

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày 20-01-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hoài Yên.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Kệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Thanh H, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, tổ B, ấp X, xã T, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Trần Đỗ T, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 10 năm 2019, chị Đoàn Thị Thanh H trình bày: Vào năm 2013 chị và anh Trần Đỗ T kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương vào ngày 23/6/2016. Trong quá trình chung sống thì giữa chị và anh Trần Đỗ T xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2019 đến nay. Xét thấy, vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Đỗ T. Về con chung, có một người tên là Trần Tuấn V (giới tính nam), sinh ngày 11/11/2016, chị yêu cầu được

nuôi con chung và yêu cầu anh Trần Đỗ T cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/01/2020, bị đơn anh Trần Đỗ T cho rằng về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị Đoàn Thị Thanh H đã trình bày, nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn với chị Đoàn Thị Thanh H. Về con chung, anh chấp nhận giao một người con chung tên Trần Tuấn V (giới tính nam), sinh ngày 11/11/2016 cho chị Đoàn Thị Thanh H tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Đoàn Thị Thanh H ly hôn với anh Trần Đỗ T. Giao một người con chung tên là Trần Tuấn V cho chị Đoàn Thị Thanh H chịu trách nhiệm tiếp tục nuôi dưỡng, anh Trần Đỗ T cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Đoàn Thị Thanh H yêu cầu ly hôn anh Trần Đỗ T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, chị Đoàn Thị Thanh H và anh Trần Đỗ T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị Thanh H và anh Trần Đỗ T là đúng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân, chị Đoàn Thị Thanh H và anh Trần Đỗ T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương vào ngày 23/6/2016, nên hôn nhân giữa chị Đoàn Thị Thanh H và anh Trần Đỗ T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị Đoàn Thị Thanh H và anh Trần Đỗ T đều thừa nhận giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị Đoàn Thị Thanh H và anh Trần Đỗ T đã sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay và hiện không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị Đoàn Thị Thanh H yêu cầu ly hôn và được anh Trần Đỗ T đồng ý. Xét thấy, hôn nhân của chị Đoàn Thị Thanh H và anh Trần Đỗ T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, chấp nhận cho chị Đoàn Thị Thanh H ly hôn với anh Trần Đỗ T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, có một người tên là Trần Tuấn V (giới tính nam), sinh ngày 11/11/2016, chị Đoàn Thị Thanh H yêu cầu được tiếp tục nuôi và yêu cầu anh Trần Đỗ T cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và được anh Trần Đỗ T đồng ý.

Việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con giữa chị Đoàn Thị Thanh H và anh Trần Đỗ T là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời, nhằm ổn định cuộc sống và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chưa thành niên, nên giao cho chị Đoàn Thị Thanh H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh Trần Đỗ T cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống là đúng với quy định tại các điều 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Chị Đoàn Thị Thanh H và anh Trần Đỗ T xác định tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Đoàn Thị Thanh H chịu, án phí cấp dưỡng nuôi con anh Trần Đỗ T chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đoàn Thị Thanh H ly hôn với anh Trần Đỗ T.

2. Về con chung, giao cho chị Đoàn Thị Thanh H chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên là Trần Tuấn V (giới tính nam), sinh ngày 11/11/2016.

Anh Trần Đỗ T chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/01/2020) cho đến khi con chung (Trần Tuấn V) đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống.

Anh Trần Đỗ T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Đoàn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019640, ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, chị Đoàn Thị Thanh H đã nộp đủ án phí

hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Trần Đỗ T phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Đoàn Thị Thanh H và anh Trần Đỗ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương